



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: Trung tâm Giải phẫu bệnh – Sinh học phân tử

Medical Laboratory: Center for Pathology & Molecular Pathology

Cơ quan chủ quản: Bệnh viện Phổi Trung ương

Organization: National Lung Hospital

Lĩnh vực xét nghiệm: Giải phẫu bệnh

Field of medical testing: Pathology

Người phụ trách/
Representative: PGS.TS.BS Lê Trung Thọ

Số hiệu/ Code: VILAS Med 176

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: ISO 15189:2022

Hiệu lực/ Validation: từ ngày / /2026 đến ngày / /2031

Địa chỉ/ Address: Số 463, đường Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội
No. 463, Hoang Hoa Tham Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi City

Địa điểm/ Location: Tầng 03 nhà S7, số 463 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội
3 floors, S71 tower, No. 463, Hoang Hoa Tham Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi City

Điện thoại/ Tel: 02438325865

Email: drtrananhbvp@gmail.com

Website: www.benhvienphoitruonguong.vn

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 176

Lĩnh vực xét nghiệm: **Giải phẫu bệnh**
Discipline of medical testing: Pathology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Mảnh sinh thiết u phổi <i>Lung tumor biopsies</i>	Xét nghiệm mô bệnh học u phổi trên sinh thiết nhuộm Hematoxylin – Eosin <i>Histopathological examination for biopsy of lung tumors, H&E stain</i>	Mô bệnh học <i>Histopathology</i>	GPKSHPT-QTKT23 (2024)
2.	Mẫu mô u phổi đã được cố định Formalin và vùi trong Paraffin <i>Samples of Lung tumor tissue - being Fixed in Formalin and Embedded in Paraffin</i>	Xét nghiệm nhuộm hóa mô miễn dịch cho dấu ấn PD-L1 (SP263 KIT) <i>Immunohistochemical staining for PD-L1 marker (SP263 KIT)</i>	Hóa mô miễn dịch <i>Immunohistochemistry</i>	GPBSHPT-QTKT36 (BENCHMARK XT) (2024)
3.		Xét nghiệm nhuộm hóa mô miễn dịch cho dấu ấn ALK (D5F3 KIT) <i>Immunohistochemical staining for ALK marker (D5F3 KIT)</i>	Hóa mô miễn dịch <i>Immunohistochemistry</i>	GPBSHPT-QTKT37 (BENCHMARK XT) (2024)
4.		Xét nghiệm đột biến gen EGFR <i>EGFR gene mutation testing</i>	Realtime PCR	GPBSHPT-QTKT32 (Cobas Z480) (2025)
5.		Xét nghiệm đột biến đa gen (ROS1, RET, ALK, EGFR, BRAF, KRAS) <i>Multi-gene mutation testing (ROS1, RET, ALK, EGFR, BRAF, KRAS)</i>	Multiplex Realtime PCR	GPBSHPT-QTKT38 (abCyclerQ) (2025)
6.		Xét nghiệm đột biến gen ALK/ROS1/RET, MET <i>Multi-gene mutation testing (ALK, ROS1, RET, MET)</i>	Multiplex Realtime PCR	GPBSHPT-QTKT65 (EASY PGX) (2025)
7.		Xét nghiệm các đột biến gen (ALK/ROS1/MET) <i>Multi-gene mutation testing (ALK/ROS1/MET)</i>	PCR Kỹ thuật số <i>Digital PCR</i>	GPBSHPT- QTKT66 (2025) (D30 Automatic Digital PCR System (Hãng TargetingOne)
8.		Xét nghiệm đột biến gen EGFR <i>EGFR gene mutation testing</i>	PCR Kỹ thuật số <i>Digital PCR</i>	GPBSHPT- QTKT68 (2025) (D30 Automatic Digital PCR System (Hãng TargetingOne)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 176

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
9.	Mẫu mô u phổi đã được cố định Formalin và vùi trong Paraffin <i>Samples of Lung tumor tissue - being Fixed in Formalin and Embedded in Paraffin</i>	Xét nghiệm đột biến đa gen (EGFR, ALK, ROS1, MET, KRAS, BRAF, RET) <i>Multi-gene mutation testing (EGFR, ALK, ROS1, MET, KRAS, BRAF, RET)</i>	PCR Kỹ thuật số <i>Digital PCR</i>	GPBSHPT- QTKT69 (2025) (D30 Automatic Digital PCR System (Hãng TargetingOne)
10.	Mẫu huyết tương của người bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ <i>Plasma samples from patients with non-small cell lung cancer (NSCLC)</i>	Xét nghiệm đột biến gen EGFR <i>EGFR gene mutation testing</i>	PCR Kỹ thuật số <i>Digital PCR</i>	GPBSHPT- QTKT67 (2025) (D30 Automatic Digital PCR System (Hãng TargetingOne)
11.		Xét nghiệm đột biến gen EGFR <i>EGFR gene mutation testing</i>	Realtime PCR	GPBSHPT- QTKT33 (2024) (Cobas Z480)

Ghi chú/ Note:

- GPBSHPT-QTKT: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory developed method*

- Trường hợp Trung tâm giải phẫu bệnh – Sinh học phân tử cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Center for Pathology & Molecular Pathology that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

